

# Lạm phát hiện nay Nguyên nhân và giải pháp

**TS NGUYỄN ĐẠI LAI**  
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**Lạm phát** Đến hết tháng 4/2008, lạm phát ở Việt Nam đã là 11,39% so với 31/12/2007 và 21,4% so cùng kỳ năm trước. Lạm phát tháng 5 có thể tiếp tục gia tăng trên nền cao đã thiết lập đến tháng 4/2008! Tiền trong lưu thông cùng với các hình thức quay vòng của nó, hiện đang nằm ở thị trường BĐS rộng lớn, ở thị trường vàng (giá cao hơn thế giới), ở thị trường ngoại tệ (USD lên giá rất mạnh so với VND ngay cả khi chính đồng USD đang mất giá mạnh so với các đồng tiền chuyển đổi khác), ở đầu cơ vào một số hàng hóa thiết yếu, chiến lược... và phần lớn tham gia vào CPI - Lạm phát ở Việt Nam đến thời điểm này, hiện đang cao nhất khu vực, bất chấp các nước khác có cùng điều kiện quốc tế khách quan nhưng dù cao như Trung Quốc cũng chỉ nhỉnh hơn 1/3 của Việt Nam (8,5% của Trung Quốc so với 21,4% của VN so cùng kỳ), phần lớn các nước khác như Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore... tính đến nay CPI của họ chỉ "cao" bằng 1/4 của Việt Nam! Lạm phát với tốc độ cao đang là "điểm nóng" và chống lạm phát đang là nhiệm vụ ưu tiên số một của Chính phủ trong quản lý nền kinh tế quốc dân. Vậy nhận dạng lạm phát ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Những nguyên nhân khách quan và chủ quan nào dẫn đến lạm phát? Có thể chống lạm phát được không? Chống lạm phát bằng cách nào? là những vấn đề rất nhức nhối mà bài viết này muốn cố gắng góp phần tìm các câu trả lời.

## VỀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU:

Lạm phát tăng quá cao như hiện nay là do 3 nhóm nguyên nhân chủ yếu: Nhập khẩu lạm phát; Tổng phương tiện thanh toán tăng cao quá mức và Hiệu quả đầu tư rất kém gây mất cân đối vĩ mô.

**Thứ nhất:** Chúng ta đã và đang "nhập khẩu" lạm phát - "Nhập khẩu" lạm phát tức là chuyển lạm phát từ nước ngoài vào nền kinh tế trong nước một cách bất khả kháng và/hoặc tự phát. Trong một thời gian dài, đồng đô la mất giá so với các đồng tiền mạnh khác do chính phủ Mỹ và Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) ra sức thực hiện chính sách đồng tiền yếu để tìm cách vãn hồi nguy cơ suy thoái kinh tế Mỹ. Các đợt sốt giá dầu, giá vàng liên tiếp "xác lập các kỷ lục" mới (từ 97\$/thùng hồi đầu năm 2008, đến cuối tháng 5/2008 này đã là trên 135\$/thùng) rồi "nhập" về Việt Nam, suy cho cùng cũng là hiệu ứng từ sự suy thoái của nền kinh tế lớn nhất thế giới: kinh tế Mỹ. Tình hình bất ổn an ninh, chính trị và cả thiên tai trên thế giới cũng góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh giá thế giới lên cao. Mặt khác, việc thanh toán quốc tế "thuần USD", tình trạng đô la hóa kéo dài ở Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi đồng đô la yếu. Khi đồng đô la mất giá và "tràn vào" cũng đồng nghĩa với việc nền kinh tế Việt Nam nhập khẩu sự mất giá đó thông qua hình thức biểu hiện bên ngoài là tạo áp lực cho đồng nội tệ lên giá tương đối (sức mua đối ngoại tăng ngay cả khi sức mua đối nội của VND giảm mạnh!) so với đồng USD và đến lượt nó, khi tỷ giá "tụt", nghĩa là đồng nội tệ "lên ngôi" đã bắc cầu cho hàng

hóa tràn vào, bóp nghẹt sản xuất trong nước và xuất khẩu gây suy thoái và cạn kiệt tiềm lực kinh tế. Nếu "bơm mạnh" tiền nội tệ ra để "cứu" sản xuất trong nước và xuất khẩu thì lại gây lạm phát, làm rối loạn kinh tế và giảm thu nhập thực tế của người lao động - Đó là "câu chuyện" có thực trong năm 2007! Đối với các nhà đầu tư nước ngoài (nhất là đầu tư gián tiếp) và cả "dòng hàng hóa vào" nếu bị lạm phát tấn công, đẩy lợi tức tới một ngưỡng hiệu quả bằng "0" nào đó thì sẽ rất nhanh chóng đảo chiều - Rút vốn ra! Trạng thái "lương nan" này luôn luôn rình rập các nền kinh tế bị chi phối bởi nhập khẩu và thanh toán ngoại tệ gần như duy nhất kiểu Việt Nam. Đây là "câu chuyện của 2 tháng gần đây (từ nửa cuối tháng 3 đến nay).

**Thứ hai:** Sự tăng lên quá lớn về tổng phương tiện thanh toán - Từ 2005 đến 2007, tổng phương tiện thanh toán tăng 135%, trong khi tăng trưởng kinh tế (GDP) lũy kế cùng thời gian nói trên chỉ gần 26%, làm cho lạm phát kỳ vọng ở VN cao hơn rất nhiều lần so với lạm phát danh nghĩa (CPI lũy kế 3 năm 2005-2007 là 30,5%) đã cao nhất khu vực! Độ trễ của tiền trong lưu thông đã và đang "phát huy" vào CPI!

**Thứ ba:** Hiệu quả đầu tư quá thấp - Tốc độ tăng GDP vào loại cao của Việt Nam trong nhiều năm qua chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư trên một đơn vị giá trị GDP. Chất lượng tăng trưởng GDP rất kém. Các dòng đầu tư trong nước và nước ngoài không hướng nhiều vào các khu vực tạo ra máy cái, công nghệ, trí tuệ, tay nghề chuyên nghiệp, hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ có giá trị gia

tăng lớn... mà lại chủ yếu hướng vào khai thác đất đai. Sau 20 năm Luật đầu tư nước ngoài có hiệu lực, gần 1 triệu ha “bờ xôi ruộng mật” ở các vùng đồng bằng trù phú, phì nhiêu của nền văn minh lúa nước Việt Nam đã biến thành “mặt bằng” cho những khu công nghiệp lấp rập, gia công (hoàn toàn có thể mọc lên ở trung du, miền núi hay ở những vùng đất cằn cỗi...), nhưng không phải ở tầm “công xưởng” thế giới, mà chỉ ở tầm “phân xưởng” làm thuê với “giá trị nội địa hóa” bằng sức lao động và tài nguyên, thiên nhiên rẻ mạt cung cấp cho nước ngoài tại Việt Nam. Trong khi đó, FDI vào Việt Nam lũy kế sau 20 năm đã có xấp xỉ 9.000 dự án hiện đang còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký tới trên 85 tỷ USD. Song, lượng vốn “chảy” vào khu vực nông nghiệp, nông thôn chỉ có vốn vụn 4,6%, trong khi đó, vào công nghiệp (gia công, lắp ráp là chính) 61% và dịch vụ là 34,4%! Bộ mặt nông thôn – cả về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, lẫn cơ sở hạ tầng xã hội đều có khoảng cách quá lớn so với thành phố, đô thị, làm cho mất cân đối cung cầu ngày càng nghiêm trọng... Một biểu hiện mất cân đối vĩ mô quan trọng khác là nền kinh tế Việt Nam đang tiêu nhiều hơn có: tỷ lệ tiết kiệm năm 2007 chỉ đạt 31% GDP thì tỷ lệ đầu tư toàn xã hội lên tới trên 41,2% GDP; Ngân sách Nhà nước thiếu hụt lớn, năm 2007 thâm hụt lên đến trên 5% GDP; Xuất khẩu ngày càng thấp hơn nhập khẩu, nhập siêu năm 2007 lên tới 16,5% GDP, 4 tháng đầu năm 2008 con số này còn cao hơn nhiều; Giá địa ốc sốt nóng quá lâu trong khi nhiều dự án đầu tư công rất kém hiệu quả. Sau “đại công trường” Hà Giang tưởng như đã là những bài học đắt giá, đến nay dường như lại đang tiếp tục mọc lên rất nhiều “đại công trường” cấp tỉnh khác, thậm chí có tỉnh đã cấp phép cho xây dựng tới 13 sân golf và nhiều khu “du lịch sinh thái” bằng cách lấn đất canh tác và làm méo mó cảnh quan thiên nhiên... Nhiều Tập đoàn kinh tế đang sử dụng vốn đầu tư, kể cả vốn nhờ “IPO” chộp giật được để “lao vào” các lĩnh vực phi truyền thống như: đầu cơ bất động sản,

dịch vụ tài chính, mở sàn giao dịch vàng, thậm chí “đua nhau” mở Ngân hàng “**của mình!**”; Nhiều tỉnh “trải thảm đỏ” cho FDI và ODA tràn vào bất kỳ khoảnh đất canh tác hoặc vị trí được coi là “đắc địa” nào...! Hệ số ICOR bình quân của Việt Nam tới trên 4,4 - cao nhất khu vực, trong khi ở nhiều nước Đông Á và Trung Quốc, con số này chỉ ở mức 2,2 đến 3,5... Do đó, trong tăng trưởng GDP ở Việt Nam có quá nhiều hàm lượng “vốn hóa”, hàm lượng “bê tông, sắt thép, building... hóa” để “đổi” lấy sự biến mất rất nhiều tài nguyên (đất đai, thêm lục địa, rừng, mỏ, không gian, sông ngòi...) và chỗ làm ăn của những người phải tách khỏi mảnh ruộng, rời khỏi quê hương đi tìm kế sinh nhai! Thuế mà Nhà nước thu được và “qua” từ thiện hàng năm (mà Nhà nước và người thụ hưởng phải mang ơn!) từ các “Đại gia” liệu có thể sánh ngang với giá trị của những cái đã mất? Mở cửa của nền kinh tế hiện mang nặng ý nghĩa “mở để đón vào” các nhân tố ngoại với mọi giá, mọi loại công nghệ... hơn là mở để đi ra thế giới! Hiệu quả đầu tư như vậy thì làm sao tránh được lạm phát và bất ổn vĩ mô?

#### VỀ CÁC GIẢI PHÁP KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

Một loạt giải pháp của Chính phủ, các Bộ ngành để chống lạm phát bao gồm cả sự “đánh đổi” một phần chỉ tiêu tăng trưởng dự kiến mới được công bố gần đây là rất đáng quan tâm. Đó là một quyết tâm chính trị rất cao. Tuy nhiên, để kiểm chế lạm phát, cần phải nhận dạng lạm phát dưới nhãn quan của các quy luật của kinh tế thị trường, nhưng nhiều chính sách “chống lạm phát” thời gian qua đã quá lạm dụng các mệnh lệnh hành chính để tác động vào những điểm nhạy cảm nhất của cơ chế thị trường! Trong thực tế, một số chính sách đã từng được ban ra như: Hy sinh nguồn thu NSNN để giảm thuế cho một danh sách 18 nhóm mặt hàng nhập khẩu từ quý 3/2007; Siết chặt hạn mức cho vay đầu tư chứng khoán vào cuối năm 2007; khống chế trần lãi suất huy động; khống chế biên độ tỷ giá; khống chế biên độ giao động của giá cả chứng khoán trên TTCK bằng những mệnh lệnh đã ban ra trong

những tháng đầu năm 2008... đã không cho kết quả như mong muốn. Thực tiễn đã có từ sự phản hồi rất rõ ràng ngôn ngữ thị trường về sự không phù hợp của các mệnh lệnh hành chính và cho đến khi nhận ra để “cởi trói” thì tác dụng tiêu cực lại gia tăng do bị tác động mạnh vào niềm tin trên thị trường. Vì vậy, điều quan trọng nhất của mọi chính sách nhằm chống lạm phát và ổn định thị trường tài chính (TTTC) phải là phân tích, dự báo, nhận dạng đúng, tôn trọng và phát huy tốt nhất những quy luật thị trường; Thiết kế chính sách phải tác động vào **cung** và vào **cầu** của nền kinh tế, chứ không nên “nhè” thẳng vào những điểm nhạy cảm mà nhờ có nó cơ chế thị trường mới vận hành được như: Giá cả, cạnh tranh, minh bạch, uy tín và lòng tin...

Với những phân tích nêu trên, tôi xin kiến nghị hai nhóm giải pháp để chống lạm phát cấp bách sau đây:

**Nhóm 1: Những giải pháp về chính sách tác động vào cung hàng hóa, dịch vụ:** Nhóm này bao gồm những giải pháp cụ thể như: Nhà nước cần có chính sách khuyến khích, thậm chí ra lệnh chuyển đầu tư mạnh vào khu vực sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ cho tiêu dùng; Khuyến khích áp dụng công nghệ, nâng cao năng suất lao động, coi trọng, thậm chí ra chính sách cải thiện thu nhập của người lao động, thu hút nhân tài vào lĩnh vực quản lý và chế tạo; Khuyến khích thiết lập kênh phân phối hợp lý trong các ngành cung ứng hàng hóa, đặc biệt là trong ngành nông nghiệp; Ngăn chặn và giám sát chặt các hành vi đầu cơ các loại hàng hóa thiết yếu, chiến lược; Siết chặt các dự án đầu tư được coi là chưa cấp bách hoặc chưa thực tiếp tạo ra nguồn hàng hóa thiết yếu cung ứng theo nhu cầu thị trường; Giám sát minh bạch các kênh chi tiêu công, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng về giá cả và các điều kiện tiêu thụ sản phẩm giữa các khu vực kinh tế: tư nhân, Nhà nước, FDI... Trong đó cần có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ hiện tượng đầu cơ hoặc hiện tượng độc quyền giá cả hay độc quyền điều kiện sản xuất,

tiêu thụ kiểu “người trong cuộc” của các Doanh nghiệp lợi dụng độc quyền Nhà nước, hoặc doanh nghiệp tư nhân trá hình mà thực chất là “sân sau” của các thế lực có chức, có quyền...Thậm chí nếu chưa đủ liều lượng thì trước mắt cần giảm nhập phương tiện, thiết bị, tăng nhập hàng tiêu dùng thiết yếu, giá rẻ hơn sản xuất trong nước để tăng cung, giảm giá đáp ứng nhu cầu của nhân dân...

**Nhóm 2: Những giải pháp về chính sách tác động đến cầu:**

Những chính sách tác động vào cầu gồm: Chính sách thắt chặt tiền tệ có phối hợp với chính sách tín dụng là cần thiết hiện nay. Bởi lẽ, khi lạm phát leo thang, tín dụng phát triển nóng, đặc biệt là tín dụng vào các khu vực không tạo ra hàng hóa tiêu dùng như lĩnh vực bất động sản hoặc đầu cơ lòng vòng “trên lưng” thị trường tài chính sẽ đẩy lạm phát lên cao, do đó phải dùng công cụ của chính sách tiền tệ (CSTT) để kiểm soát chặt chẽ tốc độ gia tăng tín dụng. Theo đó, ngay sau khi dỡ bỏ “trần lãi suất huy động” phải đi đôi với việc cải cách lại nội hàm và vai trò can thiệp có hiệu lực của lãi suất cơ bản, của các kênh bơm, hút tiền, đặc biệt là kênh nghiệp vụ thị trường mở; Phải dùng chính sách tín dụng để kiểm soát cơ cấu đầu tư, lĩnh vực đầu tư. CSTT thắt chặt nhưng phải tính đến việc giảm cung tiền nếu áp dụng chung chung, không được kết hợp với các giải pháp hỗ trợ khác, sẽ tạo ra sự bất bình đẳng đối với các khu vực kinh tế trong nước. Hiện nay, nơi chịu ảnh hưởng bất lợi lớn nhất là khu vực kinh tế tư nhân chân chính - khu vực có tốc độ phát triển nhanh với đồng vốn đầu tư hiệu quả hơn - lại đang phải “cạnh tranh” với khu vực kinh tế công được hưởng các nguồn vốn từ ODA, từ ngân sách và các chính sách ưu đãi khác... Từ đó, giải pháp giảm cung tiền của NHNN phải có sự phối hợp đồng bộ với các chính sách khác, nếu không sẽ vô hình dung “đánh thẳng” vào khu vực kinh tế tư nhân và ít tác động tới khu vực kinh tế công, nhất là những nơi đang hoạt động rất kém hiệu quả. Tình hình lạm phát của Việt Nam

đang đặt ra yêu cầu kiểm soát chi tiêu công mạnh mẽ hơn. Đã đến lúc Chính phủ phải giám sát quyết liệt về tiến độ hoàn thành những dự án kết cấu hạ tầng dở dang, không đầu tư dàn trải và phải có chỉ tiêu “đo đếm” hiệu quả đầu tư các dự án, đặc biệt là các “đại công trường” ở các tỉnh, thành phố, kể cả cơ chế “trả thăm dò” đón chào nhà đầu tư nước ngoài một cách thái quá, phi hiệu quả kinh tế - xã hội. Nhà nước cũng cần phải sớm có Luật “Kiểm toán” để buộc các đơn vị kinh tế phải có báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính qua kiểm toán độc lập để tạo ra ngày càng nhiều khách hàng có độ tin cậy cao đối với Ngân hàng; Các giải pháp đồng bộ của các ngành, các địa phương khác cần thực hiện gồm: Rà soát lại các dự án đang và sẽ đầu tư từ nguồn NSNN để đảm bảo tính cấp thiết và có hiệu quả; Phát hành trái phiếu Chính phủ theo hạn mức hợp lý từng năm về loại trái phiếu thời hạn dài trên 10 năm tới 30 năm với lãi suất công bố theo từng giai đoạn 2 năm /lần phù hợp với mặt bằng lãi suất thị trường và tôn trọng nguyên tắc không để người đầu tư bị thiệt thòi hơn gửi tiết kiệm 24 tháng cùng giai đoạn... nhằm chủ động định hướng đầu tư công vào các công trình công cộng quốc gia được xác định có hiệu quả cao và tạo nguồn hàng hóa chất lượng tốt cho thị trường chứng khoán; *NHNN dùng cơ chế hành chính buộc các NHTM phải trích một tỷ lệ vốn huy động đủ an toàn để đầu tư vào chứng khoán nợ của Chính phủ để làm công cụ tham gia thị trường mở của NHNN khi cần khắc phục rủi ro thanh khoản và thay cho việc NHNN phải dùng tín phiếu của chính mình khi cần hút tiền vào; Có chính sách buộc các Tổ chức kinh tế có phát hành chứng khoán vốn trên bất kỳ thị trường nào đều phải trả cổ tức bằng tiền cho nhà đầu tư và phải giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh chứng khoán trên cả thị trường có tổ chức và thị trường chưa có tổ chức; Khuyến khích khu vực sản xuất, dịch vụ có sử dụng thiết bị nhập khẩu giá trị lớn thì có cơ chế chặt chẽ cho phép phát hành trái phiếu ngoại tệ trong nước để thanh toán*

mua hàng nhập ở nước ngoài, đồng thời áp dụng cơ chế mua đứt bán đoạn ngoại tệ thay dần cơ chế tín dụng ngoại tệ tràn lan như hiện nay nhằm tạo nguồn ngoại tệ ngay từ trong nước để đáp ứng nhu cầu mua thiết bị, vật tư thiết yếu cho sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ trong nước; NHNN cần có cơ chế giám sát chặt chẽ việc xuất, nhập khẩu và buôn bán vàng thoi trên thị trường vàng; Đối với lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất và dịch vụ ở mọi thành phần kinh tế cần được khuyến khích mạnh mẽ thông qua chính sách thu hút đầu tư, thu hút nhân tài, chính sách thuế và chính sách phát triển thị trường của Nhà nước.

Ngoài ra, về giải pháp chiến lược, Nhà nước cần sớm có chỉ đạo kiên quyết thông qua Luật pháp để sớm chuyển mô hình và cơ chế hoạt động của NHNN VN đang gần giống một Bộ quản lý hành chính trong Chính phủ như hiện nay sang mô hình và cơ chế hoạt động của một NHTW thực sự nhằm nâng cao trách nhiệm chống lạm phát thông qua tính minh bạch trong phát hành tiền và năng lực xây dựng, điều hành CSTT của NHTW theo cơ chế thị trường.

**Tóm lại:** TTTC cũng giống như mọi thị trường hàng hóa khác đều vận động theo các quy luật giá trị, cạnh tranh, cung - cầu và theo các nguyên tắc “bình thông nhau”, “nước chảy chỗ trũng”... Vì vậy, để chống lạm phát, các chính sách chỉ nên tác động vào **cung** và vào **cầu** nhằm tạo ra dung lượng và chất lượng hàng hóa phù hợp với khả năng thanh toán của nền kinh tế chứ không nên “đánh” vào những điểm nhạy cảm của cơ chế thị trường như: giá cả, cạnh tranh, minh bạch, uy tín và niềm tin... Tuy lạm phát ở VN đang cao, nhưng nếu nhận dạng đúng, thiết lập và áp dụng đồng bộ các chính sách, trong đó khâu nào cần mệnh lệnh hành chính thì nhất thiết phải dùng quyền lực “cai trị” của Nhà nước để điều chỉnh, khâu nào thuộc về cơ chế và quy luật của thị trường thì nhất thiết phải tôn trọng, thậm chí kích thích các quy luật thị trường phát huy tác dụng thì sẽ kiểm soát và chống được lạm phát ■